TỪ VỰNG ĐẮT GIÁ NHẤT CHỦ ĐỀ ÂM NHẠC

Adoring fans	Người hâm mộ cuồng nhiệt
Beat	Nhịp trống
Background music	Nhạc nền
Harmony	Hòa âm
A catchy tune	Bài hát ưa thích
Lyrics	Lời bài hát
Classical music	Nhạc cổ điển
Melody/ tune	Giai điệu
To download tracks	Tải bài hát
Note	Nốt nhạc
To have a great voice	Giọng hát tốt
Rhythm	Nhịp điệu
To go on tour	Đi lưu diễn
Scale	Gam
A huge following	Người theo dõi khổng lồ
Solo	Solo/đơn ca
Live music	Nhạc sống
Duet	Biểu diễn đôi/song ca
Live performance	Biểu diễn trực tiếp
In tune	Đúng tông
Out of tune	Lệch tông
A massive hit	Bài hits
Amp (viết tắt của amplifier):	Bộ khuếch đại âm thanh
A music festival:	Lễ hội âm nhạc
Instrument	Nhạc cụ
Musical talent	Tài năng âm nhạc
Music stand	Giá để bản nhạc
Sing out of tune	Hát lạc nhịp
Record player	Máy thu âm
A piece of music	Tác phẩm âm nhạc
To play by ear	Chơi bằng tai
Electronic	Nhạc điện tử
A pop group	Nhóm nhạc pop
Heavy metal	Nhạc rock mạnh
To read music	Đọc nhạc
Orchestra	Dàn nhạc giao hưởng
A rock band	Ban nhạc rock

String quartet	Nhóm nhạc tứ tấu đàn dây
To sing along to	Hát chung
Performer	Nghệ sĩ biểu diễn
A sing-song	Ca khúc hát vui
Performer	Nghệ sĩ biểu diễn
A slow number	Nhịp chậm rãi
Alto	Giọng nữ cao
To take up a musical instrument	Học nhạc cụ
Soprano	Giọng nữ trầm
Taste in music	Thể loại ưa thích
Tenor	Giọng nam cao
To be tone deaf	Không phân biệt giai điệu